

Động từ trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

Nguyễn Thị Ngọc Hương^{1,*}, Bùi Nguyễn Phương Thảo²

¹Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn

²Sinh viên Khoa Sư phạm, khóa 39, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 14/10/2019; Ngày nhận đăng: 30/11/2019

TÓM TẮT

Nghiên cứu bàn về các động từ trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu. Chúng tôi đề cập đến các loại động từ và tần suất sử dụng từng loại động từ. Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của nghiên cứu là cung cấp thông tin về tần suất của động từ, qua đó những ai có quan tâm đến học thuật sẽ thấy hữu ích khi biết động từ nào là xuất hiện phổ biến cũng như động từ nào là hiếm xuất hiện trong các bài hát tình yêu tiếng Anh.

Từ khóa: *Động từ, loại động từ.*

**Tác giả liên hệ chính.*

Email: n2linhchi@gmail.com

Verbs in English love songs

Nguyen Thi Ngoc Huong^{1,*}, Bui Nguyen Phuong Thao²

¹*Faculty of Foreign Languages, Quy Nhon University*

²*Student of Faculty of Education, course 39, Quy Nhon University*

Received: 14/10/2019; Accepted: 30/11/2019

ABSTRACT

The study is about verbs in English love songs. We deal with the classes of verbs and the frequency of using each class of verbs. One of the most important aims of the research is to provide information about the frequency of verbs, through which those with a purely academic interest will all find it useful to know which verbs are common as well as which are rare in English love songs.

Từ khóa: *Verbs, verb classes.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chúng tôi đã quyết định chọn nghiên cứu về động từ (verbs) trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu vì các lý do sau:

Thứ nhất, động từ là một từ biết nói (a saying-word). Nhờ có động từ mà ta biết hành động cụ thể hoặc những suy nghĩ hay cảm nhận riêng của chủ thể (subject). Nói cách khác, động từ chính là trái tim của một câu, là phần quan trọng nhất trong câu và mỗi câu hoàn chỉnh phải có ít nhất một động từ. Tiếp đó, trong khi các động từ như *love, kiss, need, want* xuất hiện khá phổ biến trong các bài hát tiếng Anh thì nhiều động từ khác xuất hiện rất ít. Nguyên nhân tại sao lại như vậy?

Thứ hai, có nhiều lý do khiến chúng tôi chọn các bài hát tiếng Anh làm đối tượng nghiên cứu nhưng hai lý do nổi bật là người học tiếng Anh, nhất là giới trẻ ở Việt Nam rất thích các bài hát tiếng Anh và việc học tiếng Anh thông qua các bài hát thì thú vị và kích thích hứng thú của họ nhiều hơn các hình thức dạy học khác.

Thứ ba, tôi chọn tình yêu (love) là chủ đề chung cho các bài hát là vì phần lớn các bài hát viết về chủ đề này. Tình yêu luôn có sức hút mạnh mẽ đối với mỗi người chúng ta, đặc biệt là các bạn trẻ. Hơn thế nữa, phạm trù về tình yêu cũng rất rộng. Bên cạnh tình yêu trai gái lãng mạn, còn có tình yêu gia đình, tình bạn, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, yêu hòa bình...

Xuất phát từ các yếu tố trên, bài viết này sẽ khái quát nên một số đặc điểm của động từ trong nghiên cứu của chúng tôi.

2. NỘI DUNG

2.1. Động từ

2.1.1. Định nghĩa

Theo Biber (1999), động từ là một từ đóng vai trò vị ngữ trong câu; mang các thuộc tính ngữ pháp như thì, thể, ngôi, số, cách; và đề cập đến một hành động hay trạng thái.

Theo Douglas Biber (1991), động từ có hai chức năng chính trong cụm động từ: động từ chính (main verb) và trợ động từ (auxiliary

**Corresponding author.*

Email: n2linhchi@gmail.com

verb). **Động từ chính**, chẳng hạn như động từ *went* trong câu “...Ev’ry word **went** right into her heart” có thể đứng một mình như một cụm động từ. **Trợ động từ**, như động từ *has* hay *will* trong ví dụ “Yesterday **has** been and gone. Tomorrow I **will** find the sun”, phải đi với một động từ chính (main verb) thì mới tạo thành một cụm động từ.

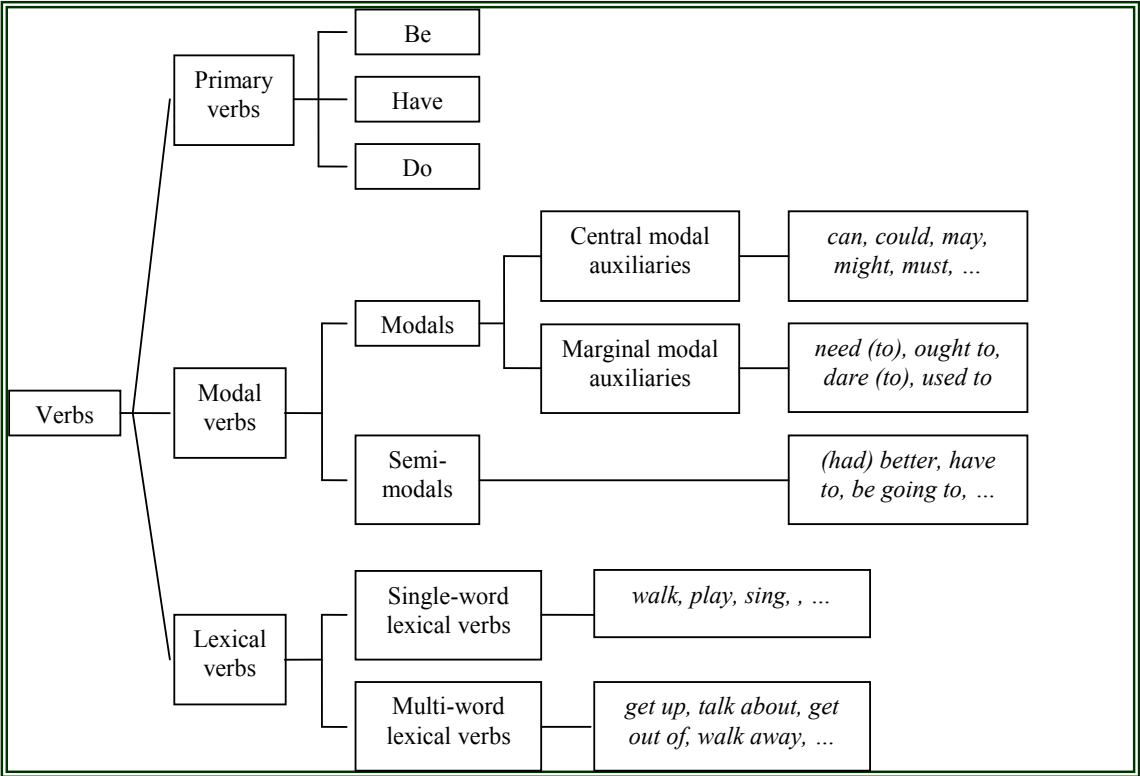
2.1.2. Phân loại

Theo Biber (1999), động từ được phân chia thành ba loại chính: **primary verbs** (*be, have and do*), **modal verbs** (*can, will, might...*),

và **lexical verbs** hay **full verbs** (*give, bring...*). Ba loại động từ này được phân biệt dựa trên vai trò mà chúng đảm nhiệm là động từ chính và trợ động từ.

Cụ thể, primary verbs có thể đảm nhận vai trò là động từ chính hoặc trợ động từ. Modal verbs chỉ có thể đảm nhận vai trò là trợ động từ. Lexical verbs chỉ có thể đảm nhận vai trò là động từ chính.

Bên cạnh ba loại động từ chính kể trên, mỗi loại động từ lại có các tiểu loại nhỏ như hình sau:



Hình 1. Các loại động từ tiếng Anh

Khi xét về khía cạnh ngữ nghĩa, theo Douglas Biber (1999, tr 360), lexical verbs được phân chia thành bảy nhóm: động từ hoạt động (activity verbs), động từ giao tiếp (communication verbs), động từ tri giác (mental verbs), động từ sai khiến (verbs of facilitation or causation), động từ chỉ sự việc xảy ra (verbs of occurrence), động từ chỉ sự tồn tại hoặc mối quan hệ (verbs of existence or relationship), động từ chỉ quá trình (aspectual verbs).

2.2. Tư liệu tham khảo

Đối tượng khảo sát là 250 bài hát tiếng Anh xoay quanh chủ đề tình yêu nam nữ, tình yêu gia đình, tình bạn, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, làng xóm, hòa bình... Lời và nhạc của các bài hát này được lấy từ nhiều sách và tuyển tập khác nhau.

Đối tượng khảo sát là 250 bài hát tiếng Anh xoay quanh chủ đề tình yêu nam nữ, tình yêu gia đình, tình bạn, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, làng xóm, hòa bình... Lời và nhạc của các

bài hát này được lấy từ nhiều sách và tuyển tập khác nhau.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng kết hợp phương pháp miêu tả (descriptive), định lượng (quantitative) và định tính (qualitative). Phương pháp miêu tả giúp thông tin thu thập được trình bày một cách cụ thể và sinh động. Trong khi phương pháp định lượng cung cấp số liệu thực tế của động từ thì phương pháp định tính đi sâu phân tích ý nghĩa đằng sau các dữ liệu thống kê.

Quá trình phân tích dữ liệu bao gồm các bước sau: đầu tiên, chúng tôi nhận diện và lọc ra tất cả các động từ xuất hiện trong mỗi bài hát và xếp chúng vào từng nhóm chính (primary verbs, modal verbs và lexical verbs); sau đó, chúng tôi tính tổng số lần xuất hiện của từng động từ và điền kết quả vào ô “Tổng”.

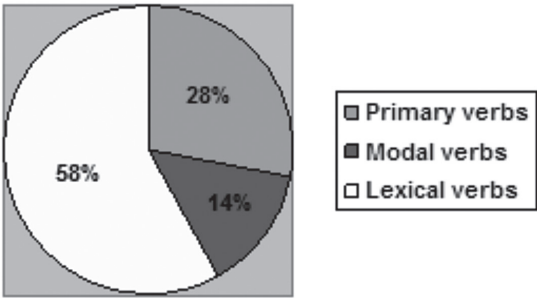
Để đạt đến số lượng chính xác về tần suất của động từ, trong quá trình thu thập dữ liệu, chúng tôi cũng chú trọng đến việc nhận dạng động từ ở dạng không chuẩn (non-standard verbs). Sau đây là một số ví dụ hình thức động từ không theo dạng chuẩn: **dạng rút ngắn của động từ** (clipping of verbs): *c'mon* (= *come on*), *'twas* (= *it was*), *watch'd* (= *watched*), *cryin'* (= *crying*), *tho't* (= *thought*),...; **dạng biến đổi chính tả** (orthographic variations): *gonna* (= *going to*), *gotta* (= *got to*), *ain't* (= *am not, is not, are not, has not, have not*), *gimme* (= *give me*), *lemme* (= *let me*),...; **dạng dao động âm thanh** (oscillation): *bin* (= *been*), *mek* (= *make*), *sez* (= *says*),...; **dạng từ cổ** (obsoletes/obsolescents): *maketh* (= *makes*),...

2.3. Một số kết luận về động từ sau khi khảo sát

2.3.1. Kết luận về ba loại động từ chính

Bảng 1. Tần suất xuất hiện của ba loại động từ chính trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

	Primary verbs	Modal verbs	Lexical verbs
Số lần xuất hiện	3856	1918	7983
Tần số xuất hiện	28,03%	13,94%	58,03%



Hình 2. Sự phân bố của các loại động từ trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

Bảng 1 và hình 2 trên đây cho thấy một điều khá thú vị về động từ trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu: đó là primary verbs có số lần xuất hiện gấp hai lần modal verbs, còn lexical verbs thì lại có số lần xuất hiện gấp hai lần primary verbs. Lexical verbs là loại động từ xuất hiện nhiều nhất trong ba loại động từ do các nguyên nhân sau.

Một là, những mệnh đề hay câu có chứa lexical verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu thì có độ dài khá ngắn cho nên sẽ cần có nhiều câu và mệnh đề. Mỗi mệnh đề cần có một động từ, vì vậy sẽ cần có nhiều động từ. Hơn nữa, lexical verbs lại là loại động từ có chức năng truyền tải ý nghĩa và thông điệp chính trong bài hát nên cần có chúng thì người hát mới thể hiện được câu chuyện bài hát mà họ muốn truyền tải đến người nghe:

*“I can’t **live**, if **living** is without you
I can’t **give**, I can’t **give** anymore.
Well, I can’t **forget** this evening
Or your face as you were **leaving**
But I **guess** that’s just the way the story **goes**.
You always **smile** but in your eyes your
sorrow **shows**.
Yes, it **shows**.”*
(‘Without you’ - Mariah Carey)

Hai là, lexical verbs có tần suất xuất hiện cao là do đặc điểm văn phong giao tiếp (dialogue passages) và việc sử dụng những mệnh đề tường thuật (reporting clauses):

*“The farmer **said** to the Boll Weevil,
“I **see** you’re on the square.”*

Boll Weevil **said** to the farmer, “Yep, my whole fam’ly’s here.”

We gotta have a home, we gotta have a home.

2. The farmer **said**, “Boll Weevil, why’d you **pick** my farm?”

The Weevil just **laughed at** the farmer **said**, “We ain’t gonna do you much harm.

We’re **lookin’ for** a home, we gotta have a home.”

(‘The Boll Weevil song’ - Brook Benton)

Thứ ba, lexical verbs là một phương tiện miêu tả quan trọng. Nhờ có lexical verbs mà chúng ta có thể thể hiện xúc cảm, miêu tả những câu chuyện:

“Early one morning, one morning in Spring
To **hear** the birds **whistle**, the nightingales
sing

I **met** a fair maiden who sweetly did **sing**

“I’m goin’ to be **married** next Monday morning.”

(‘Monday morning’ - Peter, Paul and Mary)

Một bài hát có thể không có primary verbs hoặc modal verbs nhưng không thể không có lexical verbs. Chẳng hạn, trong bài hát ‘There she goes’ (Six pence none the richer), không có primary verbs; còn trong bài ‘Summer holiday’ (Cliff Richard) thì không có modal verbs:

“There she **goes**

There she **goes** again

Racing through my brain

And I just can’t **contain**

This feeling that **remains**

There she **blows**

There she **blows** again

Pulsing through my vein

And I just can’t **contain**

This feeling that **remains**.”

(‘There she goes’ - Six Pence
None The Richer)

“We’re **going** where the sun **shines** brightly.

We’re **going** where the sea is blue.

We’ve **seen** it on the movies.

Now **let’s see** if it’s true.

Ev’rybody has a summer holiday.

Doin’ things they always **wanted** to.

So we’re **going** on a summer holiday
to **make** our dreams **come** true.

For me or you.”

(‘Summer holiday’ - Cliff Richard)

Cuối cùng, sự biến đổi của ngôn ngữ (the volatility of language) khiến cho lexical verbs có tần số xuất hiện cao. Tony Wright trong “Investigating English” đã khẳng định rằng “Từ vựng (lexicon) là yếu tố biến đổi nhiều nhất trong ngôn ngữ”. Tiếng Anh vẫn liên tục biến đổi và phát triển để phù hợp với nhu cầu giao tiếp của xã hội. Chính vì vậy mà từ vựng cũng sẽ thay đổi theo. Như trong bài hát sau, ta nhận ra sự thay đổi của một số lexical verbs:

“I **tho’t** you loved me, Billy, and you were mine. I’m **gonna** miss you, Billy,

And though I’m **tryin’**, I’m **hurtin’** so bad, Billy. I can’t help **cryin’**.” (‘Which way you goin’, Billy’ - The Ponny Family).

hoặc:

“I just **wanna** tell you that you’re superfine.

Wo-oh, wo-oh.

I do believe it’s you that **maketh** the sun to shine.

Wo-oh, wo-oh.”

(‘Sunshine’ - The Archies)

Trái ngược với lexical verbs, primary verbs và modal verbs thuộc hệ thống ngữ pháp (grammatical system). Tuy có sự thay đổi đối với động từ *be* và *do* như *ain’t* hay *’d*, nhìn chung sự thay đổi này diễn ra chậm hơn so với sự thay đổi về từ vựng (Tony Wright, 1986, trang 23).

2.3.2. Kết luận về primary verbs

Như đã đề cập ở mục 2.1.2., primary verbs vừa có thể đảm nhận vai trò động từ chính và trợ động từ. Qua khảo sát và tính toán, chúng tôi đã thống kê được số lần cũng như tần suất của chúng (Bảng 2).

Bảng 2. Tần suất của primary verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu đảm nhận chức năng trợ động từ

Chức năng trợ động từ			Số lần xuất hiện	Tổng
Các thành viên của nhóm “ <i>be</i> ”	Chuẩn	am	15	506
		are	48	
		be	41	
		been	38	
		being	1	
		is	50	
		was	40	
		were	26	
		‘m	91	
		‘re	76	
		‘s	80	
	Không chuẩn	ain’t	1	51
		bin	2	
		{am/’m}	19	
		{are/re}	11	
		{is/’s}	18	
Tổng			557 (37,41%)	
Các thành viên của nhóm “ <i>have</i> ”	Chuẩn	had	6	347
		has	27	
		have	97	
		having	1	
		‘d	10	
		‘s	43	
		‘ve	163	
	Không chuẩn	ain’t	17	57
		{have/ ‘ve}	36	
		{has/ ‘s}	4	
Tổng			404 (27,13%)	
Các thành viên của nhóm “ <i>do</i> ”	Chuẩn	did	58	527
		do	444	
		does	25	
	Không chuẩn	‘d	1	1
Tổng			528 (35,46%)	
Tổng cộng			1489 (100%)	

Bảng 2 cho ta thấy rằng, với chức năng là trợ động từ, primary verb *be* có tần suất cao nhất (37,41%). Bên cạnh đó, các hình thức rút gọn của *be* và *have* cũng có số lần xuất hiện khá cao. Cụ thể, ba hình thức rút gọn phổ biến nhất của *be* lần lượt là ‘*m* (91 lần), ‘*s* (80 lần) và ‘*re* (76 lần). Trong khi đó, ‘*ve* là hình thức rút gọn xuất hiện nhiều nhất của *have* (163 lần).

Điểm đáng chú ý nhất chính là động từ *do* (444 lần) có số lần xuất hiện cao nhất trong tất cả các hình thức của ba primary verbs. Thực tiễn cho thấy, *do* hay được dùng trong thì hiện tại đơn. Sự xuất hiện với tần số cao của primary verb *do* phản ánh bối cảnh không gian và thời gian gần giữa những chủ thể được đề cập (chủ yếu là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất và thứ hai).

Ngoài ra, một số hình thức của *be* và *have* bị lược bỏ (được đặt trong dấu {}). Ví dụ:

“When {} you coming home Dad?’
I don’t know when, but we’ll get together then.” (‘Cat’s in the cradle’ - Ugly Kid Joe)
(are bị lược bỏ)
“Back porch preacher preachin’ at me
{-} Actin’ like he wrote the Golden Rule
{-} Shakin’ his fist and speechin’ at me,
{-} Shouting’ from his soap box like a fool.”
(‘Clean up your own back yard’ - Elvis Presley)
(he is/he’s bị lược bỏ)

“And from the first time that she {} really done me
Ooh she {} done me, she {} done me good
I guess nobody {} ever really done me
Ooh she {} done me, she {} done me good.”
(‘Don’t let me down’ - The Beatles)
(has bị lược bỏ.)
“Old head water run dry.
{-} Got nowhere to wash my clothes.
Old head water run dry.
{-} Got nowhere to wash my clothes.”
(‘Brown girl in the ring’ - Boney M)
(I’ve bị lược bỏ.)

Bảng 3. Tần suất của primary verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu đam nhận chức năng như động từ chính

Chức năng như động từ chính		Số lần xuất hiện	Tổng
Be	am	28	2072 (87,54%)
	are	159	
	be	414	
	been	57	
	being	3	
	is	370	
	was	138	
	were	56	
	‘m	164	
	‘re	190	
	‘s	493	
Have	had	26	98 (4,14%)
	has	2	
	have	69	
	‘ve	1	
Do	did	4	197 (8,32%)
	do	167	
	does	6	
	doing	5	
	done	14	
	be done	1	
Tổng			2367 (100%)

Từ bảng 3 ta nhận thấy *be* có tần suất cao hơn hẳn *have* và *do*. Điều này cho thấy các bài hát tình yêu tiếng Anh có xu hướng làm rõ đặc điểm, tính chất của chủ ngữ hoặc là chỉ định thông tin nào đó. Nói cách khác, tác giả muốn khẳng định rằng chủ ngữ ngay lúc đó đang thực

hiện hành động mà đặc biệt là để định nghĩa chủ ngữ theo cách của riêng họ:

“She’s the hunter, you’re the fox.”
(‘All that she wants’ - Ace of Base)

Ngoài ra, khi *be* đóng vai trò là động từ

chính, các hình thức rút gọn thường được dùng nhiều hơn. Có một sự khác biệt giữa số lần xuất hiện của *am* - ‘*m* (28 - 161 lần); *are* - ‘*re* (159 -190 lần); *is* - ‘*s* (370 - 493 lần).

2.3.3. Kết luận về modal verbs

Modal verbs được chia làm hai loại chính: modal auxiliary verbs và semi-modals. Modal auxiliary verbs lại được chia làm hai loại nhỏ là central modal auxiliary verbs và marginal auxiliary verbs. Kết quả khảo sát được trình bày cụ thể trong bảng 4.

Bảng 4. Tần suất của modal verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

Modal verbs			Số lần xuất hiện	Tổng
Central modal auxiliary verbs	Chuẩn	Can	414	1523 (79,41%)
		Could	101	
		May	36	
		might	26	
		must	42	
		shall	8	
		should	58	
		will	306	
		would	98	
		‘d	67	
		‘ll	367	
Marginal auxiliary verbs	Chuẩn	dare (to)	5	61 (3,18%)
		need (to)	19	
		ought to	12	
		used to	15	
	Không chuẩn	oughta	10	
Semi-modal verbs	Chuẩn	am to	1	334 (17,41%)
		am supposed to	9	
		be about to	1	
		be supposed to	1	
		got to	19	
		had to	14	
		has to	3	
		have to	38	
		is to	1	
		‘re going to	1	
		‘re to	1	
		‘s going to	2	
		‘ve got to	14	
	Không chuẩn	ain’t gonna (= are not going to)	8	
		am gonna	2	
		is gonna	2	
		watcha gonna (what you {are} going to)	2	
		‘m gonna	39	
		‘re gonna	28	
		‘s gonna	34	
		{am/ ‘m} gonna	3	
		{are/ ‘re} gonna	6	
		{be } gonna	3	
		{is/ ‘s} gonna	8	
		‘m gon	30	
		‘s gotta	25	
		{has/ ‘s/ have/ ‘ve} gotta	34	
		{have/ ‘ve} got to	5	
Tổng			1918 (100%)	

Số liệu từ bảng 4 cho ta thấy rằng central modal auxiliary verbs được sử dụng rất nhiều trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu (79,41%). Có lẽ chính vì điều này mà loại động từ này được gọi chung là modal verbs.

Đi vào phân tích chín central modals, ta thấy *can*, *will*, *could* và *would* là phổ biến nhất trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu. Trong khi đó, *shall* là ít xuất hiện nhất.

Khi so sánh với marginal modals, semi-modals có vẻ được sử dụng phổ biến hơn, đặc biệt là *be going to*, *(have) got to* và *have to*. Cụ thể, *be going to* xuất hiện 168 lần, *(have) got to* (bao gồm *gotta*) xuất hiện 97 lần. Tiếp đó, *have to* (bao gồm *has to* và *had to*) xuất hiện 55 lần.

Đi sâu vào phân tích các số liệu của semi-modals, ta nhận ra một điểm thú vị chính là các hình thức rút gọn như *'m*, *'re* và *'s* thường được sử dụng với *gon* hoặc *gonna*; *'s* và *'ve* hay được dùng với *gotta*. Bên cạnh đó, các hình thức rút gọn cũng thường xuyên bị tính lược (đặt trong dấu {}).

Ngoài cách xem xét modal verbs như trên, để giải thích rõ hơn về sự phân bố của modals và semi-modals trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu, chúng tôi cũng đánh giá chúng trên phương diện ngữ nghĩa: nghĩa bên trong như sự cho phép, nghĩa vụ, ý chí hoặc ý định (intrinsic meanings: permission, obligation, volition or intention) và bên ngoài như khả năng, sự cần thiết và dự đoán (extrinsic meanings: possibility, necessity, prediction).

Bảng 5. Tần suất của modal verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu khi xét về mặt ngữ nghĩa

Intrinsic/ Extrinsic	Modal verbs	Số lần xuất hiện	Tổng
Permission/ possibility/ability	can	414	575 (29,98%)
	could	99	
	may	36	
	might	26	
Obligation/Necessity	be to	3	308 (16,06%)
	be supposed to	10	
	have to	57	
	(have) got to	97	
	must	42	
	need (to)	19	
	ought to	22	
	should	58	
Violation/Prediction	be about to	1	1015 (52,92%)
	be going to	168	
	shall	8	
	will	306	
	would	98	
	'd	67	
	'll	367	
	dare (to)	5	20 (1,04%)
	used to	15	
Tổng			1918 (100%)

Khi xét về mặt ngữ nghĩa, ta nhận thấy rằng modals với ý nghĩa obligation/necessity là ít phổ biến nhất (16,06%). Điều này cho thấy trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu tác giả rất ít khi sử dụng câu mệnh lệnh biểu thị sự ép buộc. Thậm chí, *must* - một trong những central modal verb được sử dụng phổ biến nhất - lại xuất hiện với tần số khá thấp. Thay vào đó, *should*, *have to* và đặc biệt là *have got to* lại được sử dụng rất nhiều. Mặc dù cũng biểu đạt ý nghĩa mệnh lệnh, *have to* và *have got to* lại truyền đạt ý nghĩa sự cần thiết làm việc gì đó mang tính khách quan không phải chỉ xuất phát một cách chủ quan từ phía người nói. *Should* cũng xuất hiện khá nhiều (58 lần). Tương tự như *have to* hay *have got to*, *should* biểu đạt sự cần thiết làm việc gì nhưng không mang tính bắt buộc như *must*. *Should* đôi khi cũng được sử dụng để diễn tả lời khuyên mà người nói muốn người nghe thực hiện.

Ngược lại, modals với ý nghĩa volition/prediction được sử dụng phổ biến nhất (52,92%). *Will* là modal có tần số xuất hiện cao nhất, theo sau là *be going to* và *would*. Bên cạnh đó, một vài hình thức rút gọn như *'d (=would)* and *'ll (=will/shall)* cũng rất hay được sử dụng, đặc biệt là *'ll* (367 lần). Chủ ngữ của *will* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất có ý định làm một việc gì. Chính vì vậy *will* được sử dụng với ý nghĩa như một lời hứa hoặc sự sẵn lòng làm việc gì:

“... And I **will** always love you
I **will** always love you.”
(*I will always love you* - Whitney Houston)
or
“Oh! Oh! Yea! Yea!
Love you more than I can say
I **ll** love you twice as much tomorrow.
Oh! Oh! Love you more than I can say.”
(*More than I can say* - Bobby Vee)

Ngoài ra, *will* cũng được dùng để đưa ra dự đoán và thường đi kèm với đại từ nhân xưng ngôi thứ ba.

“Well, I know that I **ll** get through this
‘Cause I know that I am strong

I don't need you anymore

I don't need you anymore.”

(*'Believe'* - Cher)

*“I know this love of mine **will** never die*

And I love her.”

(*'And I love her'* - The Beatles)

Một hình thức khác của *will* là *would* nhưng nó hay được dùng ở dạng câu hỏi cũng để thể hiện sự sẵn lòng làm việc gì của chủ ngữ. Kiểu yêu cầu lịch sự này hay bắt đầu bằng “*Would you...*”:

“Hey you,

With your ear against the wall,

Waiting for someone to call out,

***Would** you touch me?*

Hey you,

***Would** you help me to carry the stone?”*

(*'Hey you'* - Pink Floyd)

Khi bàn về *be going to* mà dạng thường gặp là *gonna*, nó không dùng để diễn tả sự sẵn lòng làm việc gì mà được dùng để biểu đạt một hành động có liên quan đến hiện tại và có thể sẽ xảy ra trong tương lai gần. Ví dụ, “*Oh, you're looking good. I'm gonna sing my song, it won't take long. We're gonna the twist, and it goes like this.*” (*'Let's twist again'* - Chubby Checker). Bên cạnh đó, *be going to* còn được dùng để miêu tả một việc đã được lên kế hoạch hoặc đã được quyết định. Ví dụ, “*Someday when my crying's done/ I'm gonna wear a smile and walk in the sun.*” (*'Crying in the rain'* - Everly Brothers) hoặc “*So I'm never gonna dance again the way I danced with you.*” (*'Careless whisper'* - Wham)

Ngoài các modals kể trên, chúng tôi cũng muốn bàn về *can* vì nó là modal xuất hiện phổ biến hơn cả (414 lần). Sự phổ biến này cho thấy các tác giả thường có xu hướng muốn biểu đạt rằng một sự việc gì đó có khả năng xảy ra. Bảng 6 ở trên cho thấy *can* biểu đạt các ý nghĩa như sự cho phép (permission), tình trạng có thể xảy ra (possibility) và năng lực/khả năng (ability).

*"As high as souls **can** fly,
the clouds roll by for you and I."
(*'Tears in heaven'* - Eric Clapton)
*"If a picture paints a thousand words,
then why **can't** I paint you?"
(*'If'* - Bread)**

Tóm lại, chúng tôi rút ra được một số kết luận chung như sau về primary verbs và modal verbs:

Thứ nhất, cách nói gọn (contraction) là một hình thức khá thường gặp trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu. Những hình thức hát được rút gọn phổ biến nhất là 'm, 's, 're; 've và 'll. Hiện tượng này xảy ra khi đi kèm với nhịp điệu có tác dụng rút ngắn độ dài của lời hát mà vẫn đảm bảo cấu trúc của bản nhạc.

Thứ hai, động từ có xảy ra hiện tượng tình lược. Thành phần bị tình lược có thể là trợ động từ hoặc *be* (Ellipsis of operator) hoặc tình lược cũng có thể xảy ra tại phần đầu của một mệnh đề khẳng định hay nghi vấn (Ellipsis of subject and operator). Chúng được lược bỏ đi vì chúng là những âm tiết không được nhấn, chứa đựng ít thông tin cần truyền tải và có thể được lược bỏ dưới áp lực của tiết tấu, một trong những yếu tố căn bản và quan trọng nhất trong âm nhạc (Hình 2).

Thứ ba, dựa vào tần số xuất hiện của modal verbs mà chúng ta có thể nhận biết được một vài đặc tính của bài hát. Các bài hát về tình yêu thường tránh dùng kiểu mệnh lệnh. Thay vào đó, họ hay dùng các modal verbs như *'ll, will* and *be going to* để thể hiện dự đoán, dự định, lời hứa hay là sự sẵn lòng giúp đỡ đối tác.

And I feel the time is right al-though I
know that you just might say to me what _ you {-} gon - na do
what you {-}gon - na do. But I have to take this chance. Good-bye to
friends and to ro - mance__ and to all__ of you
and to all of you. Come on now.

(*'Goodbye to romance'* - Ozzy Osbourne)

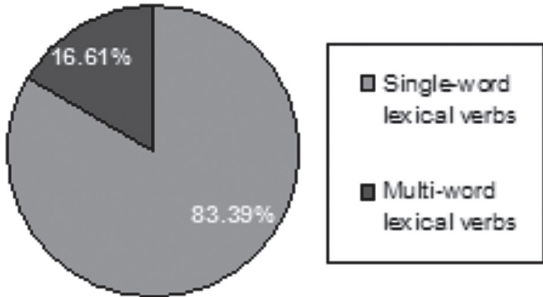
(I'm a gen-nie in a bot - tle, ba - by)
{-}(Got - ta rub me the right way, ho - ney)

(*'Genie in a bottle'* - Christina Aguilera)

Hình 3. Các thành phần bị tình lược của động từ

2.3.4. Kết luận về lexical verbs

Sự phân bố của lexical verbs có thể được thấy dễ dàng trong sơ đồ sau:

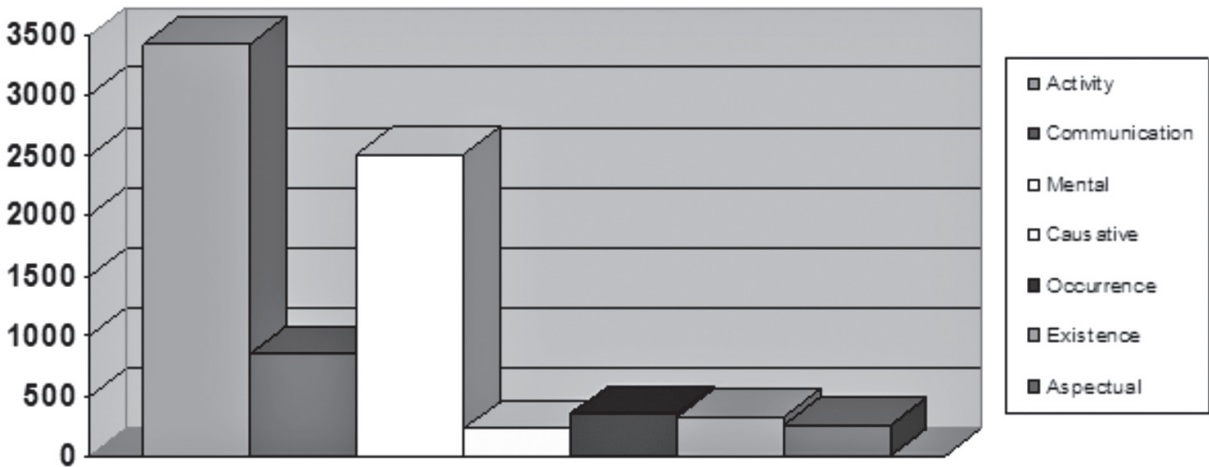


Hình 4. Sự phân bố của lexical verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

Bảng 6. Tần suất của các loại lexical verbs trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Semantic domains	Occurrences		Total	Frequency
	Single-word lexical verbs	Multi-word lexical verbs		
Activity	2734	696	3430	42,98%
Communication	746	107	853	10,69%
Mental	2281	231	2512	31,45%
Causative	176	55	231	2,89%
Occurrence	296	57	353	4,42%
Existence	283	54	337	4,22%
Aspectual	141	126	267	3,35%
Total	6657	1326	7983	100%

Sự phân bố của các loại lexical verbs có thể được thấy dễ dàng trong sơ đồ sau:



Hình 5. Sự phân bố của các loại lexical verbs trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu

Hình 4 và bảng 6 cho chúng ta dễ dàng thấy rằng, single-word lexical verbs có số lần xuất hiện gấp năm lần số lần xuất hiện của multi-word lexical verbs. Sở dĩ như vậy là vì các bài hát sử dụng ngôn ngữ kiểu đối thoại trực tiếp. Để quá trình giao tiếp diễn ra liên tục và nhịp nhàng thì ca từ phải dễ nghe và dễ hiểu. Single-word verbs thỏa mãn được nhu cầu này vì cấu trúc đơn giản, ngắn gọn có tác dụng thúc đẩy dòng chảy thông tin. Trong khi đó, multi-word verb có cấu trúc khá phức tạp và ý nghĩa thiên nhiều về mặt thành ngữ khiến người nghe gặp khó khăn trong việc hiểu ý của tác giả muốn truyền tải.

Khi xét đến khía cạnh ngữ nghĩa, trong bảy nhóm động từ thuộc lexical verbs, nhóm động từ chỉ hoạt động (activity verbs), động từ giao tiếp (communication verbs) và động từ tri giác (mental verbs) là phổ biến nhất trong các bài hát tiếng Anh về tình yêu. Lexical verbs thuộc ba nhóm kể trên xuất hiện nhiều nhất trong những bài hát là các động từ *go, make, come, get, give, leave, hold, take, cry, try, lose, show, play, kiss, touch, look, come on, và wait for* (động từ chỉ hoạt động); *say, tell, sing và call* (động từ giao tiếp); *know, love, want, see, feel, need, find, think, hear, believe, cherish, và remember* (động từ tri giác).

Bảng 7. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ hoạt động trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Lexical verbs	Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
Single-word lexical verbs	go	208
	make	187
	come	169
	get	169
	give	167
	leave	106
	hold	101
	take	76
	cry	61
	try	53
	lose	52
	show	51
	play	47
	kiss	44
	touch	45
	look	44
Multiple-word lexical verbs	come on	63
	wait for	42

Thông qua các single-word lexical verbs, những đặc điểm nổi bật của một bài hát tiếng Anh về chủ đề tình yêu cũng được phản ánh rõ. Một lượng lớn các động từ chỉ hoạt động cho thấy rằng, khi yêu, các nhân vật trong các ca khúc vô cùng nồng nhiệt. Có một sự chênh lệch lớn giữa *go* (206 lần) và *come* (169 lần); *leave* (106 lần) và *arrive* (3 lần). Nghĩa được thể hiện bởi *go* và *leave* trong các bài hát thường biểu đạt sự chia ly:

*“You know I’m gonna leave,
You know I’m gonna go
You know I’m gonna leave,
You know I’m gonna go, woman.
You know I’m gonna leave, woman,
Goodbye, American woman.
Goodbye, American chick,
Goodbye, American broad.”*

(‘American woman’ - the Guess Who)

hoặc

*“Everytime you go away
You take a piece of me with you.”*
(‘Everytime you go away’ - Paul Young)

Họ yêu bằng cả con tim và sự chân thành của mình và họ cũng sẵn sàng cho đi hơn là nhận lại điều gì đó (động từ *give* được ưa dùng hơn *take* - *give* xảy ra 167 lần trong khi *take* 76 lần):

*“I may not have a lot to give
But what I’ve got I’ll give it to you.”*
(‘Can’t buy me love’ - The Beatles)

Họ hay nghĩ về việc thua hơn là thắng (động từ *lose* được dùng nhiều hơn *win*: *lose* xảy ra 52 lần, *win* xảy ra 12 lần).

*“It must have been love but it’s over now
It must have been good but I lost it somehow.”**(‘It must have been love’ - Roxtte)*

Win chỉ xuất hiện khi ai đó khao khát đạt được điều gì.

*“Tell me how to win your heart
For I haven’t got a clue.”*
(‘Hello’ - Lionel Richie)

Và thường thường, họ cảm thấy thất vọng khi điều họ muốn vụt khỏi vòng tay:

*“How can you mend a this broken man
How can a loser ever win?
Please help me mend my broken heart and
let me live again.”*

(‘How can you mend a broken heart’ - The BeeGees)

Họ thường hay khóc hơn là cười (động từ *cry* xuất hiện nhiều hơn *laugh*: *cry* 61 lần, *laugh* chỉ 6 lần). Có lẽ vì thế mà các bài hát tiếng Anh về tình yêu hay viết về sự chia xa:

*“I **cry** each night, the tears for you.*

My tears are all in vain.”

(‘Puppy love’ - Paul Anka)

Họ muốn thể hiện cảm xúc thông qua các hành động cụ thể (*look, kiss, touch, play, show, try, hold, make* và *wait for*).

“It’s now or never, come hold me tight

***Kiss** me, my darling, be mine tonight.”*

(‘It’s now or never’ - Elvis Presley)

*“Judy’s got the lips I love to **kiss**,...*

*Judy’s got the hands I love to **hold**...”*

(‘Judy, Judy, Judy’ - Johnny Tillotson)

*“I have been **waiting** for so long*

For somethin’ to arrive

For love to come along.”

(‘Heaven’ - Bryan Adams)

Ngoài ra, động từ *get* cũng xuất hiện với tần số cao. Điều này xảy ra vì đặc tính linh động của *get*, nó có thể dùng chung với nhiều cấu trúc và với ý nghĩa khác nhau. Ý nghĩa chủ đạo của *get* là đạt được thứ gì đó hoặc đến gần hoặc rời xa điều gì (hoạt động); khiến cái gì đó xảy ra (sai khiến); thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác (sự việc xảy ra). Hơn thế nữa, *get* cũng thường đi cùng với primary auxiliary verb *have* với dạng *have got*.

“Beware of what is flashing in her eyes,

*She’s going to **get** you”*

(‘All that she wants’ - Ace of Base)

*“We’ve **got** everything going on and on and on.”*

(‘Everything you go away’ - Paul Young)

*“Here I’m sitting and it’s **getting** cold”*

(‘Ticket to the tropics’ - Gerald Joling)

*“These days get so long and I **have got** nothing to do.”*

(‘Hanging around’ - Counting Crows)

Bảng 8. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ giao tiếp trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
say	225
tell	178
sing	51
call	46

Bảng 8 cho ta thấy *say* và *tell* là hai động từ được sử dụng nhiều nhất. Chúng hay được dùng trong câu tường thuật:

*“People **say** that love’s a game*

A game you just can’t win...

Put your head on my shoulder

Whisper in my ear, baby

Words I want to hear,

*Tell me, **tell** me that you love me.”*

(‘Put your head on my shoulder’ -

Paul Anka)

Các bài hát tình yêu tiếng Anh thường được cho là chứa một bầu không khí buồn bã về tình yêu và cuộc sống. Tuy nhiên, chúng tôi cũng phát hiện ra rằng họ đôi khi cũng động viên lẫn nhau tiếp tục sống, điều này được biểu hiện thông qua số lần xuất hiện của động từ *sing*:

*“**Sing, sing** a song*

Make it simple

To last your life long

Don’t worry that it’s not good enough

For anyone else to hear

*Just **sing, sing** a song.”*

(‘Sing’ - Carpenters)

Bảng 9. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ tri giác trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
know	364
love	359
want	256
see	242
feel	155
need	128
find	90
think	61
hear	60
believe	57
cherish	45
remember	41

Thông qua bảng 9, ta nhận ra được một số đặc điểm của lexical verbs chỉ tri giác. Chẳng hạn, để tường thuật những trạng thái chỉ nhận thức, các động từ như *believe*, *remember*, *think*, *find* và đặc biệt là động từ *know* được sử dụng nhiều. Bên cạnh đó, để phản ánh trạng thái cảm nhận (states of perception), các động từ như *feel* và điển hình là *see*, cũng được ưa sử dụng. Hơn nữa, trạng thái nhận thông tin như *hear* cũng được phản ánh. Cuối cùng, để thể hiện những khao khát và cảm xúc, các động từ như *cherish*, *need*, *want* và *love* cũng được đề cập đến khá thường xuyên trong các bài hát:

She says she loves you
*And you **know** that can't be bad.*
Yes, she loves you
*And you **know** you should be glad."*
(*'She loves you' - The Beatles*)

*"I sometimes **see** you pass outside my door*
Hello, is it me you're looking for?
*I can **see** it in your eyes*
*I can **see** it in your smile...*
*Sometimes I **feel** my heart will overflow"*
(*'Hello' - Lionel Richie*)

"Laura and Tommy were lovers
*He **wanted** to give her everything*
Flowers, presents and most of all, a
wedding ring"
(*'Tell Laura I love her' - Johnny T. Angel*)

*"**Cherish** the love we have*
*We should **cherish** the life we live*
***Cherish** the love, **cherish** the life"*
(*'Cherish' - Kool and the Gang*)

Bảng 10. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ sai khiến trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
let	146
let be	43

Xét theo ngữ nghĩa thì các động từ chỉ tri giác ít xuất hiện nhất trong bảy nhóm lexical verbs. Cụ thể chỉ có hai động từ là *let* và *let be*.

Bảng 11. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ sự việc xảy ra trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
change	42
die	49

Bảng 12. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ sự tồn tại hoặc mối quan hệ trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
live	86
stand	45

Bảng 13. Số lần xuất hiện của lexical verbs chỉ quá trình trong những bài hát tiếng Anh về tình yêu

Các động từ phổ biến nhất	Số lần xuất hiện
keep	41
stop	40

3. KẾT LUẬN

Động từ là một trong những thành phần bắt buộc phải có trong câu khi giao tiếp vì chúng giúp người nghe hiểu được thông tin mà người nói muốn truyền đạt. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các bài hát tiếng Anh về tình yêu. Thông qua việc nghiên cứu 250 bài hát, chúng tôi nhận thấy rằng lexical verbs là loại động từ xuất hiện phổ biến nhất, tiếp đó là primary verbs và modal verbs. Việc hiểu rõ tầm quan trọng của động từ sẽ giúp người học có cách học đúng đắn khi học từ cũng như biết nắm bắt và nghe những từ quan trọng trong quá trình giao tiếp.

Do hạn chế về mặt thời gian, nghiên cứu của chúng tôi vẫn chưa thể đi sâu vào phân tích một số điểm của động từ được phát hiện trong quá trình nghiên cứu chẳng hạn như nhiều động từ không được chia theo ngôi tương xứng của chủ ngữ hoặc các modal verbs được sử dụng trong nhiều cách khác nhau. Ở đây, chúng tôi

chỉ có thể đề cập đến những cách sử dụng chung nhất mà modal verbs thể hiện trong các bài hát tình yêu tiếng Anh.

Những nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung khảo sát những lỗi sai mà học sinh Việt nam hay gặp phải khi sử dụng động từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biber, Douglas et al. *An introduction to Language and Communication*, Massachusetts Institute of Technology, 1991.
2. Cullen, Brian, *Music and song in discussion*, brian@celtic-otter.com, 1998.
3. Đào Trọng Từ, Đỗ Mạnh Thường, Đức Bằng. *Thuật ngữ và ký hiệu âm nhạc thường dùng*, Nxb Văn hóa, 1984.
4. Dakin, Julian. *Songs and Rhymes*, Longman, 1968.
5. Delahunty, P.Gerald and Garvey, J. James. *Language, Grammar, and Communication*, McGraw-Hill, Inc, 1994.
6. R. M. W. Dixon. *A New Approach to English Grammar, on Semantic Principles*, Clarendon Press, Oxford, 1992.
7. I. R. Galperin. *Stylistics*, Moscow Vyssaja Skola, 1981.
8. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 1, McGraw Hill, 1993.
9. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 4, McGraw Hill, 1994.
10. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 3, McGraw Hill, 1994.
11. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 2, McGraw Hill, 1994.
12. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 6, McGraw Hill, 1995.
13. Grenough, Millie. *Sing it! Learn English through song*, Book 5, McGraw Hill, 1995.
14. Hàn Ngọc Bích, Nguyễn Minh Toàn. *Âm nhạc 1*, Nxb Giáo dục, 1989.
15. Haynes, John. *Style*, London and New York, 1995.
16. Hoàng Kiều. *Tìm hiểu âm nhạc*, Nxb Âm nhạc Hà Nội, 1960.
17. Leech, N. Geoffrey. *Meaning and the English verb*, Longman, 1987.
18. Lewis, Michael. *The English verb - An exploration of structure and meaning*, Commercial Colour Press, 1986.
19. Ludlow, Karen and Reilly, Patricia. *Heinemann Elt - 10 original pop songs*, Macmillan Heinemann, 1996.
20. Nam Cát (biên soạn). *Tuyển tập những bài hát tiếng Anh, tập 2*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
21. Nandy, Milon. *Verbs*, Ho Chi Minh Publishing House, 2001.
22. Nguyễn Dương Nguyên Châu. *A possible paradigm of expressing obligation through English modal verbs Must, Should, Have to*, University of Danang, 1999.
23. Nguyễn Quốc Hùng, M. A. (biên soạn). *Học Tiếng Anh qua các bài hát (Sing to learn)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
24. Palmer, Harold E. *A grammar of English*, Longman, 1993.
25. Nguyễn Văn Phước et al. *The best songbook of all time*, Youth Publishing House, 2003.
26. *Những ca khúc bất tử The rock and roll*, Nxb Trẻ, 2002.
27. Phạm Thi Thơ (biên soạn). *Tuyển tập những bài hát tiếng Anh, tập 1*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
28. Phạm Thi Thơ, Nguyễn Mẫu (biên soạn). *Tuyển tập những bài hát tiếng Anh, tập 3*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
29. Riddiford, Nicky. *Song Talk - Songs for English Language learners*, National Association of FSOI Home Tutor Schemes (Inc), 1998.
30. Tường Kỳ. *152 ca khúc để đời của Tír Quái Beatles*, Nxb ‘Sống’, 1973.
31. V. A. Va-khra-mê-pê. *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1985.
32. Wright, Tony. *Investigating English*, Routledge, Chapman and Hall, Inc, 1991.
33. Yule, George. *Explaining English Grammar*, Oxford University Press, 1998.